

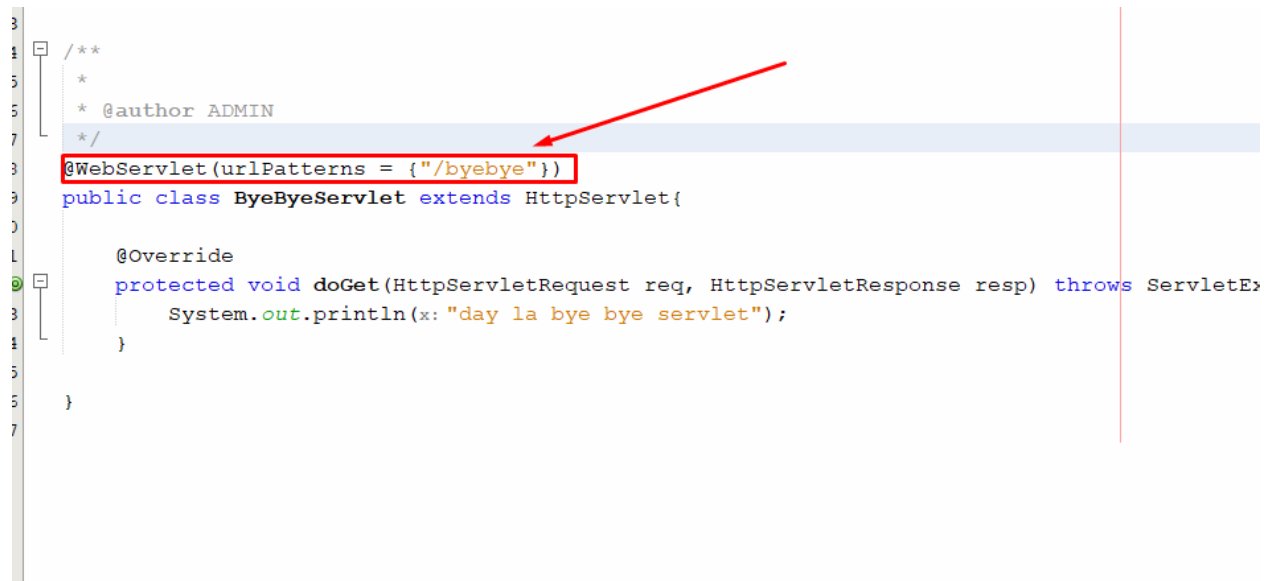
Create Servlet

[Tao servlet bang annotation](#)

[Tao servlet bang cach web.xml](#)

[Tao Servlet nhanh](#)

Tao servlet bang annotation



```
3
1  /**
5   *
5   * @author ADMIN
7   */
3  @WebServlet(urlPatterns = {"/byebye"})
9  public class ByeByeServlet extends HttpServlet{
1
1  @Override
1  protected void doGet(HttpServletRequest req, HttpServletResponse resp) throws ServletException
3      System.out.println(x: "day la bye bye servlet");
1
1
5
5
7 }
```

Để tạo một Servlet sử dụng Annotations trong Java, bạn sẽ cần phải sử dụng Annotation `@WebServlet`. Annotation này cho phép bạn xác định các thông tin cấu hình cho Servlet mà không cần sử dụng file `web.xml`. Dưới đây là một ví dụ cơ bản về cách tạo Servlet với annotation:

Bước 1: Tạo lớp Servlet

Trước tiên, bạn tạo một lớp mới, kế thừa từ lớp `HttpServlet` của Java.

```
import javax.servlet.*;
```

```
import javax.servlet.http.*;
import javax.servlet.annotation.*;

@WebServlet(name = "exampleServlet", urlPatterns = {"/example"})
public class ExampleServlet extends HttpServlet {

    @Override
    protected void doGet(HttpServletRequest request, HttpServletResponse response) {
        response.setContentType("text/html");

        PrintWriter out = response.getWriter();
        out.println("<html><body>");
        out.println("<h2>Hello, this is an Example Servlet!</h2>");
        out.println("</body></html>");
    }
}
```

Bước 2: Sử Dụng Annotation `@WebServlet`

- `name` : Tên của Servlet, có thể sử dụng để tham chiếu trong các phần khác của ứng dụng.
- `urlPatterns` : Một hoặc nhiều URL pattern mà Servlet này sẽ phản hồi. Trong ví dụ trên, Servlet sẽ phản hồi các request tới `/example`.

—> câu hỏi đặt ra, có thể bỏ name hoặc url pattern đi được không ?

Có, bạn có thể bỏ `name` hoặc `urlPatterns` khi sử dụng annotation `@WebServlet` trong Java, nhưng cần lưu ý một số điểm sau:

1. Bỏ `name` :

- Annotation `@WebServlet` không yêu cầu bạn phải khai báo thuộc tính `name`. Nếu bạn bỏ qua thuộc tính `name`, Servlet container sẽ sử dụng tên đủ định danh (fully qualified name) của lớp Servlet làm tên mặc định.
- Ví dụ:

```
@WebServlet(urlPatterns = {"/example"})
public class ExampleServlet extends HttpServlet {
    //...
}
```

2. Bỏ `urlPatterns` :

- Bạn cũng có thể bỏ qua `urlPatterns` , nhưng điều này có nghĩa là Servlet của bạn sẽ không được ánh xạ với bất kỳ URL nào thông qua annotation. Trong trường hợp này, bạn cần phải cung cấp ánh xạ URL cho Servlet thông qua cấu hình khác (ví dụ, trong file `web.xml`).
- Nếu không có ánh xạ URL, Servlet của bạn sẽ không thể được truy cập thông qua một URL.
- Ví dụ:

```
@WebServlet(name = "exampleServlet")
public class ExampleServlet extends HttpServlet {
    //...
}
```

Tạo servlet bằng cách web.xml

2 cap the:

- servlet

+ servlet name

+ servlet class: viet ro ra duong dan toi class ma cac ban dang su dung

- servlet mapping :

+ servlet name

+ url Pattern: duong dan toi servlet do

Tao Servlet nhanh

